

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 177/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 05/4/2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly
2. Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2021/TLST- HNGĐ ngày 28/10/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HPT ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đức L1, sinh năm: 1972;
Địa chỉ thường trú: 143 Đường BB, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm: 1969;
Địa chỉ thường trú: 143 Đường BB, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2021, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị Đức L1 trình bày:

Bà L1 và ông Nguyễn Văn L2 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường TB, quận HC, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2001, sau đó cả hai mới tổ chức lễ cưới.

Do trước khi kết hôn cả hai tìm hiểu nhau chỉ trong thời gian ngắn vài tháng và được gia đình ủng hộ rồi tiến tới hôn nhân nên Bà L1 chưa thật sự hiểu hết về

tính cách và con người của ông L2. Sau khi kết hôn cả hai ở Thành phố Đà Nẵng một thời gian, đến năm 2014 Bà L1 và ông L2 chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tại địa chỉ số 37/11/9 đường TĐT, Phường E, Quận K. Từ ngày kết hôn đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân xuất phát do ông L2 thường xuyên dùng vũ lực Bà L1 khiến bà rất hoảng sợ; hơn nữa ông L2 có nhiều lần xúc phạm bà và gia đình của Bà L1, đồng thời Bà L1 còn phát hiện ông L2 thường xuyên nhắn tin tán tỉnh nhiều người phụ nữ khác. Do đó, vào năm 2017, Bà L1 đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 11 nhưng do ông L2 năn nỉ, hứa sẽ thay đổi sửa chữa và được Tòa án hòa giải đoàn tụ hàn gắn tình cảm, vì nghĩ cho các con nên Bà L1 đã rút đơn và Tòa án Quận 11 đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Đến năm 2019, gia đình chuyển về địa chỉ 143 Đường BB, Phường J, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông L2 vẫn không thay đổi tính tình, cũng thường xuyên đánh đập bà nên vào năm 2020 Bà L1 chịu không nổi mới thuê nhà ra ở riêng trong 06 tháng cùng với con. Nhưng sau đó vào đầu năm 2021, do ông L2 thuyết phục bà quay về và vì nghĩ cho con nên bà đã về lại nhà 143 Đường BB tiếp tục sinh sống. Nhưng đến tối thì Bà L1 về nhà mẹ của Bà L1 ở gần đó ngủ vì không dám ngủ ở nhà, không ăn cơm và sinh hoạt chung với ông L2. Dù sống cùng một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai người nấy sống không quan tâm chăm sóc cho đôi phương, thậm chí sau khi ông L2 về Hải Phòng lo cho mẹ thì vợ chồng cũng không có liên lạc gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, tình trạng hôn nhân hiện tại đã quá sức chịu đựng của bà, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nữa nên Bà L1 xin ly hôn với ông L2 để ổn định cuộc sống và đề nghị Tòa án không hòa giải nữa.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Lê Hải L- sinh ngày 02/02/2002 và Nguyễn Lê Gia P- sinh ngày 21/10/2003, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn L2 trình bày:

Ông L2 và bà Lê Thị Đức L1 tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn như lời trình bày của Bà L1.

Trong quá trình sống chung, vợ chồng cũng xảy ra những bất đồng nhưng ông L2 không đồng ý lời trình bày của Bà L1. Ông thừa nhận do tính tình có hơi nóng nảy và có lẽ nói chuyện xúc phạm vợ nhưng ông chưa bao giờ đánh vợ con. Mặc dù do tính chất công việc hoạt động trong quân đội ở Thành phố Đà Nẵng nên ông phải thường xuyên công tác xa nhà, không có nhiều thời gian ở gần chăm sóc cho con, nhưng ông rất quan tâm đến việc giáo dục và sinh hoạt của con, cụ thể thời gian đầu mới vào Thành phố Hồ Chí Minh khi thấy môi trường học của con không tốt thì ông đã chủ động đổi trường cho con vào môi trường giáo dục tốt hơn. Hơn nữa, khi nghe thầy cô ở trường gọi điện, nhắn tin cho ông L2 là cháu Nguyễn Lê Gia P nhiều lần sử dụng các thiết bị điện tử và chơi game mà xao nhãng việc học, lên lớp ngủ gật trong giờ học không nghe giảng bài nên ông L2 có góp ý và dạy con vì muốn tốt cho con, nhưng con không tiếp thu lời dạy của ông L2 nên dẫn đến hai cha con có lớn tiếng với nhau chứ ông L2 không có đánh con, đôi lúc vì

cách nói chuyện khiến người khác hiểu lầm nhưng thực chất ông luôn quan tâm con cái và chăm lo cho gia đình. Trong đợt dịch năm 2021 vừa qua, một mình ông L2 đi chợ nấu nướng và lo cho các con, nhưng vợ và các con đều không ăn cơm do ông nấu nhưng ông L2 cũng chỉ góp ý chứ không đánh đập gì cả. Ông L2 cũng nhiều lần bàn với vợ muốn thống nhất cách nuôi dạy con tốt hơn nhưng Bà L1 phớt lờ, dẫn đến vợ chồng không thống nhất và cãi nhau. Đối với việc Bà L1 cho rằng ông L2 nhắn tin tán tỉnh người phụ nữ khác, ông L2 thừa nhận là có nhắn tin với người phụ nữ khác nhưng do ông L2 buồn việc gia đình nên có nói chuyện và đi cả phê với người phụ nữ đó nhưng chỉ vì muốn tìm người tâm sự và hiểu xem phụ nữ suy nghĩ như thế nào chứ không có quan hệ gì khác nhưng vô tình đã làm bà Lâm hiểu lầm. Việc Bà L1 nộp đơn ly hôn là do Bà L1 không còn yêu ông L2, nhưng vì không muốn việc ly hôn ảnh hưởng đến việc chăm sóc dạy dỗ con cái nên ông L2 không đồng ý ly hôn Bà L1.

Về con chung: Hai con là Nguyễn Lê Hải L và Nguyễn Lê Gia P đều đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Lê Thị Đức L1 trình bày: Do vợ chồng không còn tôn trọng và yêu thương nhau bà cương quyết xin ly hôn và giữ nguyên các ý kiến khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đảm bảo đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà Lê Thị Đức L1 và ông Nguyễn Văn L2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Đức L1 đối với ông Nguyễn Văn L2. Về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có. Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01 ngày 11/01/2001 của Ủy ban nhân dân phường TB, quận HC, Thành phố Đà Nẵng thì bà Lê Thị Đức L1 và ông Nguyễn Văn L2 có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công

nhận và bảo vệ. Ông L2 có nơi cư trú tại Quận F, thành phố Hồ Chí Minh nay Bà L1 có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ông Nguyễn Văn L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L2.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét:

Bà L1 và ông L2 tuy có thời gian kết hôn lâu nhưng trong quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên có những bất đồng, cãi vã và không tìm được tiếng nói chung trong rất nhiều lĩnh vực của cuộc sống gia đình. Có những lúc không thể nói chuyện được với nhau mà các bên phải xử sự bằng bạo lực. Do có nhiều mâu thuẫn nên năm 2017 Bà L1 đã nộp đơn xin ly hôn ông L2 tại Tòa án nhân dân Quận 11. Tuy vợ chồng đã được Tòa án Quận 11 khuyên can, hòa giải, với mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái nên Bà L1 đã làm đơn rút yêu cầu ly hôn, nhưng vợ chồng cũng không tiếp tục chung sống hạnh phúc được với nhau. Hiện tại tuy sống chung nhà nhưng cả hai không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, mỗi người độc lập về tài chính, suy nghĩ và công việc của mình. Căn cứ điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”, nhưng ở đây Bà L1 và ông L2 không còn thương yêu, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau để vun đắp cho cuộc sống gia đình điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà L1 và đây cũng là đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát Quận 6 tham gia phiên tòa.

Xét yêu cầu của ông L2 không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến các con, Hội đồng xét xử xét: đúng là qua quá trình hòa giải ông L2 đều mong muốn vợ chồng đoàn tụ để tránh ảnh hưởng đến các con, tuy nhiên bản thân ông L2 cũng thấy mình phải có trách nhiệm lớn cùng các thành viên trong gia đình xây dựng gia đình hạnh phúc. Các con của ông L2 Bà L1 đã đủ tuổi trưởng thành và qua quá trình Tòa án thụ lý giải quyết các cháu đều có chung ý kiến là ở nhà ba mẹ thường xuyên cãi nhau, thậm chí xúc phạm lẫn nhau và tuy sống chung nhà nhưng ba mẹ không ai quan tâm đến ai. Điều này cũng thể hiện qua phần trình bày Bà L1 mặc dù ông L2 mong muốn đoàn tụ nhưng từ trước tết nguyên đán Nhâm Dần 2022 ông L2 đã bỏ về quê ở Hải Phòng đến sau tết mới vào. Trong khoảng thời gian dài của những ngày tết cổ truyền, ông L2 không hề điện thoại, hỏi thăm hay có những việc làm gì thể hiện sự quan tâm của ông L2 với vợ con, ngược lại Bà L1 còn bắt gặp ông L2 có nhắn tin hẹn hò với người phụ nữ khác mặc dù ông L2 cho rằng đó chỉ là bạn. Xét việc tuy ông L2 mong muốn đoàn tụ nhưng ông L2 đã không tham dự các phiên tòa để trình bày các ý kiến cũng như mong muốn của mình với Hội đồng xét xử. Như vậy, việc ông L2 không đồng ý ly

hôn nhưng bản thân ông L2 không có bất kỳ việc làm nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình, thậm chí ông còn làm trầm trọng hơn tình trạng hiện tại nên việc ông L2 nại ra lý do sợ ly hôn làm ảnh hưởng đến các con là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà L1 và ông L2 có hai con chung là Nguyễn Lê Hải L - sinh ngày 02/02/2002 và Nguyễn Lê Gia P - sinh ngày 21/10/2003 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà L1 và ông L2 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà L1 và ông L2 xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Đức L1 phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

[7]. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Đức L1 và ông Nguyễn Văn L2 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 19, 51, 54, 56, 57, 58, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Đức L1 đối với ông Nguyễn Văn L2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 quyển số 01 (Ngày, tháng, năm đăng ký: 11/01/2001) do Ủy ban nhân dân phường TB, quận HC, Thành phố Đà Nẵng cấp cho bà Lê Thị Đức L1 và ông Nguyễn Văn L2 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Lê Hải L - sinh ngày 02/02/2002 và Nguyễn Lê Gia P - sinh ngày 21/10/2003. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Đức L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Bà L1 đã nộp theo biên lai thu số 0011510 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Đức L1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bà Lê Thị Đức L1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn L2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THADS Quận 6;
- UBND phường TB, quận HC, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bình